

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 của thành phố Cần Thơ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Theo Tờ trình số 68/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 của thành phố Cần Thơ;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, cụ thể như sau:

I. Nguyên tắc chung

Trên cơ sở tổng mức vốn đầu tư phát triển Trung ương giao và các nguồn huy động của địa phương (nếu có), Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ vốn cho từng dự án, công trình thuộc các sở, ban ngành được giao làm chủ đầu tư (gọi tắt là dự án, công trình thành phố trực tiếp quản lý); Riêng dự án, công trình quận, huyện quản lý, thành phố phân bổ tổng mức vốn nhưng có định hướng nhằm thực hiện phù hợp với cơ cấu nguồn vốn kế hoạch giao chung của thành phố. Các nguồn vốn phân bổ thực hiện theo nguyên tắc như sau:

1. Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước theo các tiêu chí và định mức vốn đầu tư phát triển được xây dựng áp dụng cho năm ngân sách 2011 để làm cơ sở xác định số vốn cân đối của ngân sách thành phố cho ngân sách quận, huyện, được ổn định giai đoạn 2011 - 2015.

2. Các dự án, công trình được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch được duyệt, có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án, công trình trọng điểm; các dự án hoàn thành, vốn đối ứng cho các dự án ODA; vốn hỗ trợ cho các dự án quốc phòng, an ninh; đảm bảo vốn phân bổ đầu tư công trình nhóm C đầu tư không quá 03 (ba) năm, nhóm B đầu tư không quá 05 (năm) năm; không bố trí vốn ngân sách nhà nước cho các dự án khi chưa xác định được nguồn vốn; phân bổ vốn bảo đảm tương quan hợp lý với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quận, huyện; ưu tiên các xã có người dân tộc thiểu số.

3. Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

4. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

5. Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nước ngoài (ODA), vốn trái phiếu Chính phủ, giao theo danh mục và chỉ tiêu Trung ương giao, kể cả hoàn trả vốn ứng trước (nếu có).

6. Đối với các nguồn vốn: Vốn cân đối ngân sách địa phương, tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn khai thác thêm từ quỹ đất (nếu có). Phân bổ như sau: Ưu tiên bố trí vốn trả nợ các khoản vay, vốn tạm ứng năm trước (nếu có), để lại khoảng 5% để giải quyết những dự án, công trình phát sinh trong kỳ kế hoạch. Số vốn còn lại phân bổ như sau: Dự án, công trình thành phố quản lý là 60%; dự án, công trình quận, huyện quản lý là 40%.

7. Riêng tỷ lệ đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và nguồn thu xổ số kiến thiết, Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào quy định mới của Trung ương để phân bổ.

8. Các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011 - 2015:

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của các ngành, lĩnh vực dưới đây:

a) Nông, lâm nghiệp và thủy sản: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án thủy lợi, đê, kè và phòng chống lụt bão; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; cơ sở vật chất phục vụ quản lý nhà nước về cây trồng, vật nuôi và dịch hại; hạ tầng nuôi trồng thủy sản, cảng cá, các khu bảo tồn thủy sản nội địa.

b) Công nghiệp: đầu tư trong lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp; mạng lưới điện vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư sản xuất năng lượng tái tạo; sản phẩm trọng điểm quốc gia.

c) Giao thông vận tải: xây dựng và nâng cấp các công trình, dự án giao thông đường bộ, đường thủy.

d) Cấp nước và xử lý rác thải, nước thải: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải.

đ) Kho tàng: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình thuộc hệ thống kho tàng, bến bãi lưu giữ hàng dự trữ quốc gia, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

e) Văn hóa: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, thư viện.

g) Thể thao: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

h) Thông tin và truyền thông: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc; các công trình viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh và các dự án cụ thể được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

i) Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, như: xây dựng mới, nâng cấp, đầu tư chiều sâu các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng thành phố; các trạm trại thực nghiệm; xây dựng và cải tạo các công trình công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và xây dựng cổng thông tin.

k) Giáo dục và đào tạo: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án hạ tầng cho các cấp giáo dục và đào tạo mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học nghề nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học.

l) Y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm: xây dựng và cải tạo các công trình dự án bệnh viện, trung tâm y tế, phòng kiểm nghiệm của cơ quan quản lý chất lượng quốc gia.

m) Xã hội: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe; cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác.

n) Tài nguyên và môi trường: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước, các công trình quan trắc cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường.

o) Quản lý nhà nước: xây dựng và cải tạo trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan Đảng, Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp.

p) Quốc phòng, an ninh: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

9. Phân bổ vốn sắp xếp theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Vốn chuẩn bị đầu tư;

- Thanh toán khối lượng của các dự án, công trình hoàn thành đã đưa vào sử dụng nhưng còn thiếu vốn kế hoạch;

- Công trình vốn đối ứng;
- Dự án, công trình chuyển tiếp;
- Công trình khởi công mới.

II. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước trong cân đối của địa phương cho các quận, huyện

1. Cơ sở xác định các tiêu chí

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ tiền sử dụng đất) cho các quận, huyện gồm 5 nhóm sau đây:

- a) Tiêu chí dân số gồm 2 tiêu chí: số dân của quận, huyện và số người dân tộc thiểu số;
- b) Tiêu chí trình độ phát triển bao gồm 3 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố;
- c) Tiêu chí diện tích tự nhiên của quận, huyện và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên;
- d) Tiêu chí đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn) theo Nghị định số 05/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2004; Nghị định số 11/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2007; Nghị định số 162/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2007; Nghị định số 12/2008/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ.

đ) Tiêu chí bổ sung: Tiêu chí đô thị loại 2, loại 3.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân và số người dân tộc thiểu số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2009. Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí dân số: số dân số thực hiện năm 2009.

Số dân	Điểm
Đến 70.000 người	10
Từ 70.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm	1

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số: số dân tộc thiểu số thực hiện năm 2009.

Số dân	Điểm
10.000 người	1

b) Tiêu chí về trình độ phát triển:

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu công bố của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội năm 2009.

Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn mới)	Điểm
5% tỷ lệ hộ nghèo	2

- Điểm của tiêu chí thu nội địa:

Căn cứ kế hoạch năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố giao cho các quận, huyện (không bao gồm thu tiền sử dụng đất).

Thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất)	Điểm
Dưới 30 tỷ đồng	1
Từ 30 đến dưới 50 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm	1
Từ 50 đến dưới 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm	1,2

Từ 100 đến dưới 400 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm	1,5
---	-----

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết:

Tỷ lệ điều tiết	Điểm
Từ 5% đến dưới 60%, cứ 1% điều tiết về ngân sách thành phố thì được tính thêm	1,5

c. Tiêu chí diện tích: bao gồm 2 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

- Điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Dưới 20.000 ha	6
Từ 20.000 ha trở lên, cứ tăng thêm 10.000 ha thì được tính thêm	2

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên:

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
- Dưới 20%	0
- Từ 20% đến 30%, cứ 1% được tính tăng thêm	0,2
- Trên 30% đến 50%, cứ 1% được tính tăng thêm	0,6
- Trên 50%, cứ 1% được tính tăng thêm	1,2

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (đơn vị cấp xã):

Đơn vị hành chính	Điểm
Mỗi đơn vị cấp xã được tính	1

đ) Các tiêu chí bổ sung:

- Điểm của tiêu chí theo đơn vị hành chính:

	Điểm
- Quận trung tâm (quận Ninh Kiều)	100
- Các quận còn lại	50
- Các huyện	10

- Điểm của tiêu chí theo loại đô thị:

	Điểm
- Loại II	2
- Loại III	1

Tổng hợp điểm của các quận, huyện theo các tiêu chí:

Tổng hợp điểm của các quận, huyện theo các tiêu chí:											
TT	Đơn vị	Điểm tiêu chí về dân số		Điểm tiêu chí về trình độ phát triển		Điểm tiêu chí về diện tích		Điểm tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã	Điểm tiêu chí bổ sung		Tổng số điểm
		Trong đó		Trong đó		Trong đó			Trong đó		
		Điểm dân số	Điểm dân	Điểm tỷ lệ hộ nghèo	Điểm thu nội	Điểm diện	Điểm tỷ lệ		Điểm đơn vị	Điểm loại	

			tộc thiểu số		địa	tích tự nhiên	diện tích trồng lúa		hành chánh	đô thị	
1	Quận Ninh Kiều	27	1	1	36	6	2	13	100	2	188
2	Quận Bình Thủy	14	0	1	6	6	22	8	50	2	109
3	Quận Cái Răng	12	0	2	3	6	17	7	50	1	98
4	Quận Ô Môn	16	1	3	2	6	46	7	50	2	133
5	Quận Thốt Nốt	19	0	2	8	6	38	9	50	2	134
6	Huyện Phong Điền	13	0	2	1	6	55	7	10	1	95
7	Huyện Cờ Đỏ	15	1	5	1	8	61	10	10	2	113
8	Huyện Thới Lai	15	0	4	1	7	63	13	10	2	115
9	Huyện Vĩnh Thạnh	14	0	3	1	8	63	11	10	2	112
TỔNG CỘNG											1.097

3. Xác định mức vốn đầu tư phát triển cho các quận, huyện

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 9 quận, huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối. Tổng vốn cân đối cho các quận, huyện được tính như sau:

$$\text{Tổng vốn đầu tư cân đối cho mỗi quận, huyện} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư phân bổ cho các quận, huyện}}{\text{Tổng số điểm của các quận, huyện}} \times \text{Số điểm của mỗi quận, huyện}$$

4. Điều chuyển vốn, tăng vốn

a) Trên cơ sở vốn kế hoạch giao đầu năm, đến hết tháng 9 của năm kế hoạch, nếu quận, huyện nào giải ngân đạt dưới 70% kế hoạch thì phải có báo cáo về nguyên nhân chậm. Sau khi điều chuyển vốn kế hoạch nội bộ, dự báo khả năng khối lượng thực hiện và giải ngân mà vẫn không sử dụng hết chỉ tiêu kế hoạch giao thì thành phố sẽ điều chuyển vốn sang cho công trình khác có khối lượng thực hiện đạt cao và đầy đủ thủ tục nhưng thiếu vốn kế hoạch.

b) Đối với các nguồn vốn: Cân đối ngân sách địa phương, khai thác quỹ đất đầu tư cho dự án, công trình giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học, công nghệ; quỹ phát triển đất, đầu tư xây dựng cơ quan hành chính xã, phường mới chia tách, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ căn cứ vào tỷ lệ quy định mới của Trung ương để phân bổ vốn đầu tư.

c) Sau khi giao kế hoạch đầu năm, trong quá trình điều hành kế hoạch, nếu huy động được nguồn vốn tăng thêm, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ căn cứ vào số điểm của từng quận, huyện để giao kế hoạch bổ sung. Nếu quận, huyện không có nhu cầu hoặc thiếu thủ tục dự án được duyệt thì trong một tháng thành phố sẽ điều chuyển vốn kế hoạch sang cho các quận, huyện khác và công trình khác có nhu cầu đầu tư.

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết này theo trách nhiệm, quyền hạn của mình; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các đoàn thể và tổ chức chính trị xã hội động viên các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 14/2007/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân thành phố về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2008 - 2010 của thành phố Cần Thơ.

Nghị quyết này có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VII, kỳ họp thứ hai mươi thông qua và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo, TT Lưu trữ thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT-TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Quyền